

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 526/2021/HS-ST  
Ngày: 10-12-2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương  
*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Phi Hùng – Cán bộ hưu trí.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Cán bộ hưu trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn H Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 487/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 487/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2021, Thông báo đòi lịch số 1248/TB – TA ngày 16 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Cao C**, sinh năm 1994; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: A3/212, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Sửa điện tử; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Con ông Nguyễn Cao T, sinh năm 1970 (còn sống) và bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1974 (còn sống); Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 anh em; Bị cáo sống chung như vợ chồng (không có đăng ký kết hôn) với Trần Hải Huyền N, sinh năm 2000 và có 01 con chung sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 29/01/2019, đến ngày 01/02/2019 được Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra Quyết định hủy bỏ Quyết định tạm giữ. Ngày 14/6/2019 có lệnh bắt bị can để tạm giam nhưng bị cáo bỏ trốn, đến ngày 28/5/2021 bị cáo bị bắt và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B. (Bị cáo có mặt).

**- Bị hại:** 1/ Anh Lương Minh H, sinh năm 1997

Địa chỉ: 13C4, khu phố 6, phường T, thành phố B, Đồng Nai. (Vắng mặt)

2/ Bà Lã Thị G, sinh năm 1971

Địa chỉ: 21C, tổ 1, khu phố 10, phường T, thành phố B, Đồng Nai. (Vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Lê Văn L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 16/6, đường H, khu phố 2, phường B, thành phố B, Đồng Nai. (Vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Nguyễn Cao C là đối tượng nghiện ma túy. Để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, trong khoảng thời gian từ ngày 29/01/2019 đến ngày 25/3/2019, C đã thực hiện 01 vụ tàng trữ trái phép chất ma túy và 01 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

- **Vụ thứ nhất:** Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 29/01/2019, C đi đến khu vực ngã tư D thuộc thành phố D, tỉnh Bình Dương gặp một người đàn ông (chưa rõ nhân thân lai lịch) mua 01 gói ma túy tổng hợp (hàng đá) với giá 700.000 đồng. Sau khi mua, C đem về chia thành 05 gói nhỏ cất giấu để sử dụng. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày tại địa chỉ A1/124, khu phố 1, phường T, TP B, C cất giấu 03 gói ma túy vào vỏ hộp kẹo “Mentos” và 02 gói ma túy trên mặt bàn chỗ C đang ngồi thì bị Công an phường T phát hiện bắt quả tang, thu giữ tang vật. Tại Cơ quan điều tra C khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Thu giữ vật chứng và xử lý: 03 (ba) gói nylon chứa tinh thể màu trắng (kí hiệu M1) và 02 (hai) gói nylon chứa tinh thể màu trắng (kí hiệu M2) tất cả đã được niêm phong có chữ ký của Nguyễn Cao C và hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường T.

Tại Kết luận giám định số 140/PC09-GĐMT ngày 01/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

“Mẫu tinh thể màu trắng (M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,5552 gam, loại methamphetamine.

Mẫu tinh thể màu trắng (M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,3734gam, loại methamphetamine.”

- **Vụ thứ hai:** Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 25/3/2019, Nguyễn Cao C đi một mình đến tiệm internet “B” (thuộc khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) để nạp tiền chơi game. Lúc này, anh Lương Minh H là chủ tiệm internet “B” đang trông coi tiệm và nạp tiền cho C. Sau đó, anh H có để 01 laptop Dell màu xám đen trên bàn thu ngân rồi đi vệ sinh nên không có ai trông coi. Thấy vậy, C đã dùng tay tháo dây nguồn ra rồi cầm laptop chạy thoát. Sau khi trộm laptop C mang laptop đến cầm đồ tại tiệm cầm đồ “A” (tại khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) được 1.000.000 đồng. Khi về phòng trọ C gặp Vũ (chưa rõ nhân thân, lai lịch) và đưa giấy cầm đồ cho Vũ giữ. Sau khi trở ra không thấy laptop nên anh H trình báo Công an phường T. Đến ngày 12/4/2019, Công an mời C làm việc và C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Ngoài ra, tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B, C còn khai nhận vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 03/4/2019, C đi đến tiệm tạp hóa của chị Lã Thị G (tại tổ 1, khu phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng

Nai) để mua đồ. Thấy chị G sơ hở trong lúc bán đồ nên C đã thò tay vào hộp tủ lấy đi một hộp bìa cứng màu trắng nắp đỏ bên trong có số tiền 475.000 đồng và thẻ cào điện thoại các loại trị giá khoảng 500.000 đồng rồi bỏ đi. Thấy bị mất tài sản nên chị G đã đi tìm thì phát hiện C đang mua nước uống ở một tiệm tạp hóa gần đó nên đã tri hô. C bỏ chạy được một đoạn thì bị bắt giữ và giao cho Công an phường T lập hồ sơ.

Thu giữ vật chứng và xử lý:

+ 01 (một) laptop Dell màu xám đen, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

+ 01 hộp bìa cứng tự chế màu trắng, nắp màu đỏ bên trong có 3 ngăn dùng để đựng thẻ nạp điện thoại

+ Số tiền 465.000đ (bốn trăm sáu mươi lăm nghìn).

Tại Kết luận định giá tài sản số 159 ngày 10/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B đã kết luận: 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Dell Inspiron, model: 14-3420 có giá 2.822.500 đồng.

Trách nhiệm dân sự: anh Lương Minh H yêu cầu C bồi thường giá trị chiếc máy tính Dell theo giá kết luận định giá tài sản. C chưa bồi thường.

Chị Lã Thị G đã nhận lại 465.000đ (bốn trăm sáu mươi lăm nghìn) tiền mặt và 01 hộp bìa cứng tự chế màu trắng, nắp màu đỏ. Chị G không yêu cầu C bồi thường.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã nhận tội theo như nội dung cáo trạng mô tả và không có ý kiến hay khiếu nại kết luận giám định và kết luận định giá tài sản nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo và không có ý kiến về kết luận giám định và kết luận định giá tài sản.

Tại Bản cáo trạng số 499/CT-VKSBH ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Cao C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Cao C mức án từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B tuyên: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy bị thu giữ còn lại sau giám định.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Cao C phải bồi thường giá trị chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell mà C đã lấy trộm của anh H có giá trị theo kết luận định giá tài sản là 2.822.500đ (hai triệu tám trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo yêu cầu của anh Lương Minh H.

Đối với 01 đối tượng (chưa rõ lai lịch) có hành vi bán ma túy cho C và đối tượng tên Vũ đi chuộc lại chiếc máy tính xách tay mà C trộm cắp, Cơ

quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản ngày 03/4/2019, do tài sản trộm cắp có giá trị dưới 02 triệu đồng và không thuộc các trường hợp quy định tại các điểm trong khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, do đó Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Cao C.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai và rất ân hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Bị cáo Nguyễn Cao C đã khai nhận: Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 29/01/2019, tại phòng trọ số 4, thuộc dãy nhà số A1/124, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Cao C đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,9286 gam ma túy, loại Methamphetamine.

Đến khoảng 15 giờ 00 phút ngày 25/3/2019, tại tiệm internet “B” thuộc khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Cao C đã có hành vi trộm cắp 01 laptop hiệu Dell màu xám đen của anh Lương Minh H có giá 2.822.500 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Cao C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như nội dung bản cáo trạng số 499/CT-VKSBH ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Đây là một trong những nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm cũng như các tệ nạn xã hội khác, bản thân bị cáo biết rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy và trộm cắp tài sản bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng

với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không có;

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt tiền từ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) đến 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có thu nhập và không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với số ma túy còn lại sau giám định là vật thuộc Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 465.000đ (bốn trăm sáu mươi lăm nghìn) tiền mặt và 01 hộp bìa cứng tự chế màu trắng, nắp màu đỏ là tài sản của chị Lã Thị G nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B trả lại cho chị G là phù hợp.

Đối với 01 đối tượng (chưa rõ lai lịch) có hành vi bán ma túy cho C và đối tượng tên Vũ đi chuộc lại chiếc máy tính xách tay mà C trộm cắp, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản ngày 03/4/2019, do tài sản trộm cắp có giá trị dưới 02 triệu đồng và không thuộc các trường hợp quy định tại các điểm trong khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, do đó Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Cao C là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Cao C tự nguyện đồng ý bồi thường giá trị chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell mà C đã lấy trộm của anh H theo kết luận định giá tài sản là 2.822.500đ (hai triệu tám trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo yêu cầu của anh Lương Minh H nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Cao C** phạm tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**” và tội “**Trộm cắp tài sản**”;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Cao C** mức án: **01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù** về tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**” và **10 (Mười) tháng tù** về tội “**Trộm cắp tài sản**”. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là **02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 28/5/2021 và được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ trước đó từ ngày 29/01/2019 đến ngày 01/02/2019.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định (Theo Quyết định chuyển vật chứng số 2721/QĐ-VKSBH ngày 10/5/2019 và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/5/2019).

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Nguyễn Cao C** phải bồi thường số tiền 2.822.500đ (hai triệu tám trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) cho anh **Lương Minh H.**

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B (2);
- Công an TP. B (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo, đương sự (4);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Hoàng Phương**